

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2019/ HNGĐ-ST

Ngày 04-3-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1207/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Mỹ L, cư trú tại: Số nhà Y, đường T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Công S, cư trú tại: Số nhà Y, đường T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Hồ Công S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07-10-2002 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 02 năm thì anh S chơi cá độ bóng đá và số đề thường xuyên

cho đến nay, nợ nần liên tục. Vợ chồng còn sống chung nhưng không còn quan hệ và trách nhiệm với nhau. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung là Hồ Trung K (sinh ngày 23-7-2003) và Hồ Trung C (sinh ngày 02-4-2011), sức khỏe bình thường, đang ở với cha mẹ. Khi ly hôn, chị xin nuôi 02 con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, không có mang thai.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có khoản nợ chung nào.

* Tại bản khai đề ngày 03 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Công S trình bày: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày. Chị L yêu cầu ly hôn, anh không chấp nhận ly hôn. Nếu ly hôn thì anh đồng ý cho vợ anh nuôi 02 con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng anh tự giải quyết. Vợ chồng anh không có khoản nợ chung nào; nếu có nợ riêng thì bản thân anh sẽ tự gánh chịu.

* Ý kiến của cháu Hồ Trung K và cháu Hồ Trung C: Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của 02 cháu là muốn ở với mẹ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn; giao 02 con chung cho chị L nuôi; anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị L phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và anh S phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trương Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Hồ Công S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Trương Thị Mỹ L và anh Hồ Công S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q vào ngày 07-10-2002,

không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo lời khai của các đương sự và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 07-01-2019, trong thời gian chung sống, anh S đã nhiều lần tham gia bài bạc, số đề dẫn đến nợ nần phải bán tài sản gia đình để trả nợ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vợ chồng và việc quản lý, giáo dục các con. Chị L không thể tiếp tục chịu đựng nên mới yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giải quyết cho chị L và anh S được ly hôn.

[5] Chị L và anh S có 02 con chung là Hồ Trung K (sinh ngày 23-7-2003) và Hồ Trung C (sinh ngày 02-4-2011). Các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, phù hợp với yêu cầu nuôi con của chị L và ý kiến trình bày của anh S. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L, xét thấy phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các bên và ý kiến trình bày của anh S. Theo các Điều 58, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giao 02 con chung cho chị L nuôi và buộc anh S cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 3-2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh S phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ L và anh Hồ Công S.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Trương Thị Mỹ L và anh Hồ Công S có 02 con chung là Hồ Trung K (sinh ngày 23-7-2003) và Hồ Trung C (sinh ngày 02-4-2011), hiện tại đang ở với cha mẹ.

2.2. Giao cháu K và cháu C cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 03-2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.3. Chị Trương Thị Mỹ L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000652 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2. Anh Hồ Công S phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Q, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh